

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN VỀ DÂN SỰ, CHÍNH TRỊ TRONG HIẾN PHÁP NĂM 2013

PGS.TS Nguyễn Thanh Tuấn
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Quan niệm về quyền dân sự, chính trị trong mối quan hệ với các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

Các quyền dân sự, chính trị và kinh tế, xã hội, văn hóa, tuy có sự khác biệt nhất định, nhưng đều gắn bó với nhau và quy định lẫn nhau, do đó, bất kỳ quyền nào được bảo đảm hay bị vi phạm đều tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các quyền khác - Xem Bảng 1. Tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các quyền và không thể phân chia giữa chúng thể hiện sự bình đẳng giữa các quyền con người, bình đẳng cả về chủ thể quyền (cá nhân, nhóm xã hội, cộng đồng), cả về nội dung các quyền (dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa).

Cho đến nay có nhiều quan niệm và cách hiểu khác nhau về quyền dân sự và chính trị. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR) không đưa ra khái niệm, mà chỉ liệt kê một loạt các quyền và tự do cơ bản của con người trên cả hai lĩnh vực dân sự và chính trị. Từ đó, có thể hiểu một cách đơn giản, các quyền chính trị là các quyền của cá nhân được tham gia một cách trực tiếp và gián tiếp vào công việc của Nhà nước và xã hội, bao gồm cả việc thành lập và quản lý nhà nước. Quyền dân sự được hiểu là những quyền cá nhân, gắn chặt với nhân thân của mỗi người, chỉ cá nhân mới có thể sử dụng độc lập và không thể chuyển giao cho người khác như: quyền sống, quyền tự do đi lại, cư trú... Để thực hiện các quyền chính trị, cá nhân phải tham gia cùng với những người khác, như quyền hội họp hòa bình, quyền bầu cử,...

So với việc thực hiện các quyền dân sự, thì mức độ thực hiện các quyền chính trị bao giờ cũng kèm theo những giới hạn nhất định, như: vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức chung, quyền và tự do của người khác,... Với cách hiểu này, nội hàm khái niệm quyền chính trị của công dân chỉ chủ yếu đề cập tới quyền về bầu cử để lựa chọn ra người thay mặt mình nắm giữ và thực thi quyền

lực nhà nước và quyền ứng cử, tham gia vào cuộc đua để được cử tri/người dân lựa chọn vào bộ máy thực thi quyền lực nhà nước. Hiện nay, do sự phát triển của dân chủ, nội hàm khái niệm quyền chính trị ngày càng được mở rộng, bao gồm cả việc tham gia với Nhà nước quyết định các vấn đề chính trị, trọng đại của đất nước, như ban hành các chính sách có liên quan tới quyền của người dân; quyết định về thể chế chính trị, hình thức Chính phủ, sửa đổi Hiến pháp,... Ngoài ra, quyền chính trị còn có thể được mở rộng và có liên quan tới một loạt các quyền về tự do dân chủ của cá nhân, công dân; vì các quyền này, liên quan tới bản chất, chính sách và mức độ dân chủ của nhà nước. Đó là quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, hội họp, tự do biểu tình, tự do tín ngưỡng và tôn giáo,...

Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa được hiểu là các quyền cá nhân và cả quyền cộng đồng. Nếu các quyền dân sự, chính trị được hiện thực hóa - có thể tức thời nhờ quyết tâm và quyết sách chính trị của lãnh đạo nhà nước, thì các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa chỉ được hiện thực hóa dần dần, từng bước, tương ứng với nguồn lực sẵn có của quốc gia.

Bảng 1: So sánh sự khác biệt tương đối giữa hai nhóm quyền dân sự, chính trị và quyền kinh tế, xã hội, văn hóa

TT	Nhóm quyền dân sự, chính trị	Nhóm quyền kinh tế, xã hội, văn hóa
1.	Tập trung vào quan điểm pháp lý về quyền	Xuất phát từ sự cùng tồn tại của hai nhóm quyền: nhóm quyền có bản chất pháp luật được bảo vệ bằng các thủ tục toà án; và nhóm các quyền là kết quả của sự khế ước lẫn nhau giữa những con người với hoạt động tương ứng của Nhà nước và sự đa dạng văn hóa các dân tộc.
2.	<i>“Các quyền con người tiêu cực”</i> do cho phép cá nhân chống lại sự	<i>“Các quyền con người tích cực”</i> do cho phép cá nhân đòi hỏi Nhà nước

	sử dụng thái quá quyền lực quốc gia và tập trung giải quyết mối quan hệ giữa cá nhân và Nhà nước, chủ yếu nhằm phục vụ cá nhân	thực hiện những biện pháp tích cực nhằm đảm bảo an ninh kinh tế, xã hội phục vụ cá nhân; phần nhiều được thực hiện và thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với (khu vực) gia đình, kinh tế thị trường và xã hội công dân.
3.	Các quyền chính trị được thực hiện chủ yếu bằng phương thức tập thể. Còn các quyền dân sự được thực hiện trước hết và cơ bản bằng phương thức cá nhân.	Các quyền xã hội, văn hóa được thực hiện chủ yếu bằng phương thức tập thể. Còn các quyền kinh tế được thực hiện trước hết và cơ bản bằng phương thức cá nhân.
4.	Xác định sự công bằng về các khả năng.	Tạo lập các điều kiện và sự đối xử bình đẳng; bảo đảm công bằng về kết quả.
5.	Liên quan tới yêu sách về các điều kiện thực hiện tự do của cá nhân.	Đồng nhất các khả năng cá nhân với mức độ nhận được các phúc lợi xã hội, nhằm bảo đảm sự tồn tại của nó đáp ứng yêu cầu phẩm giá con người trong khuôn khổ trình độ phúc lợi vật chất mà xã hội đạt được và sự đa dạng văn hóa.
6.	Mang tính tức thời (immediate). Vì việc bảo đảm chúng chỉ đòi hỏi xác định rõ quan hệ pháp lý giữa Nhà nước và cá nhân, mà không phải tiêu tốn nhiều nguồn lực vật chất, do đó bất cứ quốc gia nào,	Mang tính dần dần, từng bước (progressive realization) do việc hiện thực hóa chúng phải tiêu tốn nhiều nguồn lực vật chất và tùy thuộc vào mức độ xây dựng, hoàn thiện của chính sách phúc lợi của Nhà nước và sự sẵn

	giàu hay nghèo, đều có thể tiến hành ngay được - chỉ với tiền đề là có thể chế pháp quyền.	sàng của Nhà nước.
7.	Có nội hàm rõ ràng nên có thể phân định đúng sai theo luật định (justiciable) và có thể mang ra phân xử trước tòa án.	Có nội hàm mang tính “khế ước xã hội” nên không rõ ràng và không thể phân định đúng sai (non-justiciable) về sự vi phạm chúng trước tòa án. (Mặc dù Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa của Liên hợp quốc - cơ quan giám sát ICESCR- đã đưa ra tiêu chí về “những nghĩa vụ cơ bản tối thiểu” - minimum core obligation - để đánh giá việc thực thi nghĩa vụ của các quốc gia thành viên ICESCR.
8.	Thúc đẩy sự phân định và sự tương tác bằng luật pháp giữa Nhà nước với (khu vực) kinh tế thị trường, xã hội công dân và gia đình; thúc đẩy và bảo đảm tự do con người trước Nhà nước trong thể chế pháp quyền.	Đặt con người phải phụ thuộc vào Nhà nước, do đó làm xói mòn cơ sở tư tưởng đầu tiên sinh ra quyền con người là tách biệt cá nhân khỏi sự phán xét tùy tiện của Nhà nước. Song sự chống đối của cá nhân và thành quả đấu tranh của xã hội, một mặt, đã buộc Nhà nước phải “nhân nhượng”. Mặt khác, các quyền này thúc đẩy nhân đạo hoá các quan hệ giữa Nhà nước, xã hội và cá nhân. Việc cung cấp cho các thành viên của xã hội một khối lượng phúc lợi vật chất nhất định trên cơ sở không ngang

		giá là sự thừa nhận giá trị của mỗi con người; là sự phản ánh ý thức về nhiệm vụ của Nhà nước và xã hội đối với việc bảo vệ và phát triển con người.
9.	Các quyền chủ yếu: quyền bầu cử, ứng cử và tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do biểu đạt, hội họp, lập hội, bầu cử, ứng cử, được xét xử công bằng,...	Các quyền chủ yếu: quyền có việc làm, tiền lương, tiền công, công đoàn, nhà ở, chăm sóc y tế, an sinh (an ninh, an toàn) xã hội, trợ giúp gia đình và xã hội, bình đẳng trong sáng tạo và thụ hưởng thành quả khoa học, công nghệ, văn hóa nghệ thuật,...
10.	Những người ủng hộ nhiệt thành nhất: Những người có tư tưởng tự do và tự do mới.	Những người ủng hộ nhiệt thành nhất: Những người xã hội chủ nghĩa, dân chủ-xã hội.

2. Nội dung các quyền dân sự, chính trị trong Hiến pháp năm 2013

2.1. Nội dung các quyền dân sự trong Hiến pháp năm 2013

Thứ nhất, về quyền sống: Quyền này được quy định tại Điều 19, Hiến pháp năm 2013: "*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*".

Thứ hai, về quyền đời tư: Điều 20 và 21 của Hiến pháp năm 2013 quy định rõ về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của mọi người đều được bảo vệ. Với các nội dung đó, Hiến pháp đã mở rộng chủ thể và nội dung của quyền được bảo vệ về đời tư so

với Điều 73 của Hiến pháp năm 1992 - chỉ quy định về quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

Thứ ba, về quyền tự do và an ninh cá nhân; quyền không bị tra tấn, truy bức, nhục hình: Điều 20, Hiến pháp năm 2013 quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định.

Thứ tư, về quyền khiếu nại, tố cáo: Điều 30 của Hiến pháp năm 2013 đã quy định đầy đủ về quyền này, từ quyền của người dân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho đến người bị thiệt hại có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật; và nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.

Thứ năm, về quyền tự do cư trú, đi lại: Hiến pháp năm 2013 quy định: Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Việc khám xét chỗ ở do Luật định (Điều 22). Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước (Điều 23).

Thứ sáu, về quyền bình đẳng giới: Theo Điều 26 Hiến pháp năm 2013, công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nếu Điều 63 của Hiến pháp năm 1992 chỉ quy định nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ, thì Hiến pháp năm 2013 quy định “nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” (Điều 26). Quy định này đã thay đổi quan niệm và cách tiếp cận về bình đẳng giới, từ chỉ bình

đẳng với giới nữ sang bình đẳng với cả giới nam và giới nữ. Chủ thể và nội dung quyền bình đẳng về giới, do vậy, được mở rộng và làm sâu sắc hơn.

2.2. Nội dung các quyền chính trị trong Hiến pháp năm 2013

Thứ nhất, về quyền bầu cử, ứng cử và quyền tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội: Các quyền này được quy định tại Điều 27, 28, 29 Hiến pháp năm 2013. Theo đó, công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Công dân có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân. Theo Điều 6, Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện.

Thứ hai, về quyền tự do ngôn luận, báo chí; quyền tiếp cận thông tin: Theo Điều 25 Hiến pháp năm 2013, công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin. Nếu như Hiến pháp 1992 chỉ quy định “Công dân có quyền được thông tin” (Điều 69), thì Hiến pháp năm 2013 tại Điều 25 đã thay chữ “được thông tin” bằng cụm từ “tiếp cận thông tin”. Nhờ quyền tiếp cận thông tin, mọi công dân có thể tiếp cận thông tin, cả về các quyền thực định cũng như về hoạt động tư pháp, để thụ hưởng đầy đủ và bảo vệ các quyền của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, về quyền tự do hội họp, lập hội, biểu tình: Quyền này được quy định tại Điều 25, Hiến pháp năm 2013.

Thứ tư, về quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo: Điều 24, Hiến pháp năm 2013 quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Thứ năm, về quyền bình đẳng của các dân tộc: Theo Điều 5, Hiến pháp năm 2013, các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển;

ngghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để tất cả các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước. Điều 42 Hiến pháp năm 2013 đã quy định một quyền mới là: Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

3. Mục tiêu, yêu cầu và thể chế nhằm bảo đảm thực hiện các quyền dân sự, chính trị trên cơ sở Hiến pháp năm 2013

3.1. Mục tiêu, yêu cầu

- *Mục tiêu*: Bảo đảm các quyền dân sự, chính trị nói riêng và bảo đảm quyền con người nói chung, là các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền con người, trước hết và chủ yếu là Nhà nước, thực hiện các biện pháp về thể chế lập pháp, hành pháp, tư pháp và về quản lý chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa để hiện thực hóa các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người trong hoạt động của Nhà nước và các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy quyền con người trong thực tế.

- *Yêu cầu*:

+ *Công nhận (obligation to recognition)*: Các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền, trước hết và chủ yếu là Nhà nước, công nhận, tức là phải thừa nhận đồng thời phải ghi nhận, ngày càng đầy đủ, cơ bản bằng các thể chế pháp luật và đạo đức (nhất là đối với các tổ chức xã hội), các quyền dân sự, chính trị (và kinh tế, xã hội, văn hóa) của con người.

+ *Tôn trọng (obligation to respect)*: Các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền, trước hết và chủ yếu là Nhà nước, phải kiềm chế không can thiệp, kể cả trực

tiếp và gián tiếp, vào việc thừa nhận, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy các quyền con người đã được công nhận trong pháp luật. Đồng thời phải chủ động xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các thể chế (đường lối, chủ trương, pháp luật, quy chế, quy định,...), chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển và biện pháp quản lý cụ thể để mọi người được thụ hưởng và phát triển các quyền của mình.

+ **Bảo vệ** (obligation to protect): Nhà nước phải ngăn chặn sự vi phạm quyền con người từ phía các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và cá nhân; ngăn chặn tình trạng phân biệt đối xử, hoặc sự hình thành các thể lực đe dọa quyền con người trên các lĩnh vực; điều tra, trừng trị và phục hồi các quyền đã bị vi phạm hoặc bồi thường bất cứ khi nào có thể.

+ **Thực hiện** (obligation to fulfil): Nhà nước chủ động xây dựng thể chế và thiết chế cũng như các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển, biện pháp quản lý cụ thể để bảo đảm cho mọi người được hưởng thụ đến mức cao nhất có thể các quyền con người.

Việc thực hiện chỉ được bảo đảm (bảo đảm thực hiện) khi các thể chế, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển và biện pháp quản lý được đề ra (hay xây dựng) phải mang tính khả thi và hiệu quả, chứ không phải chúng được đề ra một cách hình thức, nhất là trong quá trình thực thi các quyền con người của các nhóm yếu thế. Nói cách khác, việc bảo đảm thực hiện coi trọng không chỉ khâu đề ra (hay xây dựng) các thể chế, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển và biện pháp quản lý cụ thể, mà cả khâu tổ chức và nhất là triển khai thực hiện các thể chế, chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển và biện pháp quản lý cụ thể đó, để đạt được kết quả trên thực tế việc thụ hưởng các quyền con người.

+ **Thúc đẩy** (obligation to promote): là tạo lập điều kiện và môi trường kinh tế nói riêng và xã hội nói chung, mang tính hỗ trợ, thuận lợi cho việc tiếp cận quyền con người của các nhóm xã hội, đặc biệt các nhóm yếu thế; đồng thời thiết lập và

duy trì một cơ chế minh bạch, hiệu quả để giám sát quyền con người ở cả khu vực công và tư, theo thể chế pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thúc đẩy quyền con người đòi hỏi Nhà nước và các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền không chỉ thụ động, kiềm chế không can thiệp vào công tác bảo đảm quyền, mà quan trọng hơn là phải chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các thể chế, chiến lược, kế hoạch, chương trình, biện pháp quản lý cụ thể, để hỗ trợ các cá nhân và tập thể có điều kiện và môi trường thuận lợi cho việc thụ hưởng và phát triển các quyền của mình.

3.2. Thể chế hiến pháp nhằm bảo đảm thực hiện các quyền dân sự, chính trị

Một là, công dân và mọi người được hưởng các quyền con người một cách mặc nhiên và Nhà nước có nghĩa vụ công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp và pháp luật

Trong Hiến pháp năm 1992, chẳng hạn, Điều 51 quy định: "Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định". Đúng là để được bảo vệ và thúc đẩy, các quyền con người cần phải được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật; nhưng quy định kể trên đã gây hiểu nhầm là: Hiến pháp và pháp luật (hay nhà nước) là những chủ thể sản sinh ra các quyền con người. Quyền con người phải do và chỉ có thể do Hiến pháp và pháp luật (hay nhà nước) xác định thì mới có ý nghĩa thực chất, nếu không sẽ không được thừa nhận và áp dụng. Cách hiểu như thế không phù hợp với nhận thức chung về quyền con người trên thế giới. Theo quan điểm của cộng đồng quốc tế, mọi thành viên của nhân loại khi sinh ra đã mặc nhiên có tư cách chủ thể của các quyền con người. Các nhà nước chỉ có thể công nhận (bằng Hiến pháp và pháp luật) các quyền đó là những giá trị vốn có của mọi cá nhân mà Nhà nước có nghĩa vụ công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy.

Kế thừa Hiến pháp năm 1946 và tinh hoa tư tưởng nhân loại, trong Hiến pháp năm 2013, Khoản 1 Điều 14 quy định: "*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân ... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo*

đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Quy định này đánh dấu bước phát triển mới về địa vị pháp lý của con người, của công dân trong tiến trình lập hiến ở Việt Nam.

Hai là, *bảo đảm quyền con người, quyền công dân gắn bó mật thiết với bảo đảm chế độ chính trị*

Trong Hiến pháp năm 2013, chương chế định về quyền con người, quyền công dân được đưa lên Chương 2, ngay sau chương chế định về chế độ chính trị (so với vị trí thứ 5 trong Hiến pháp năm 1992). Đây không chỉ đơn thuần là kỹ thuật lập hiến, mà phản ánh sự thay đổi trong nhận thức lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với 5 đặc điểm cơ bản: 1/ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; 2/ Tôn trọng Hiến pháp và pháp luật; 3/ Bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; 4/ Bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước (và xã hội); 5/ Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Bằng cách đó đã khẳng định: Nhà nước (hay chế độ chính trị - xã hội) được lập ra để bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, trong đó có các quyền dân sự, chính trị.

Ba là, *thể chế tư pháp để bảo đảm quyền con người, quyền công dân*

Hiến pháp năm 1992, Điều 71 chỉ quy định về cấm truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân. Đến Hiến pháp năm 2013, ở Điều 20, lần đầu tiên trong lịch sử, Hiến pháp đã quy định việc cấm tra tấn nói riêng và cấm bất kỳ hình thức bạo lực, đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tất cả mọi người. Quy định này cụ thể, rõ ràng và rộng hơn so với quy định cũ, cả về hành vi bị cấm, cả về chủ thể được bảo vệ.

Hiến pháp năm 1992, Điều 72 quy định quyền tố tụng công dân chỉ gồm: suy đoán vô tội, bồi thường thiệt hại vật chất và phục hồi danh dự cho người bị oan sai trong tố tụng, xử lý nghiêm minh người thi hành tố tụng gây oan sai. Đến Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung: Xét xử kịp thời, công bằng, công khai; không bị kết án

hai lần vì một tội phạm; quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa (Điều 31). Quy định mới này đã mở rộng chủ thể và phạm vi quyền đòi bồi thường thiệt hại; buộc các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phải công bằng và khách quan trong việc tìm chứng cứ, và coi trọng cả chứng cứ buộc tội, lẫn chứng cứ gỡ tội.

Bốn là, chế định đầy đủ nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Trong khi Điều 50 Hiến pháp năm 1992 mới chỉ ghi nhận nghĩa vụ tôn trọng thì Hiến pháp năm 2013 ghi nhận cả bốn nghĩa vụ của Nhà nước về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người (Điều 3 và Điều 14) tương tự như quy định tại Lời mở đầu của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (năm 1948).

Điều 28 Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định quyền tham gia quản lý nhà nước được quy định trong Hiến pháp năm 1992 và bổ sung nội dung Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. Việc bổ sung này đã ràng buộc nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của người dân. Qua đó, bảo đảm quyền này của người dân được bảo đảm thực hiện trong thực tế.

Năm là, chế định nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người, mỗi công dân

So với các bản Hiến pháp trước đây, trong Hiến pháp năm 2013, việc quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người, mỗi công dân có nội dung đầy đủ, rõ ràng hơn. Điều 15 của Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “ Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác”; “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

Sáu là, chế định về hạn chế quyền

Khoản 2, Điều 14 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Việc quy định về hạn chế quyền là cần thiết để bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thể chế hóa và bảo đảm thực hiện một cách minh bạch theo luật định và phòng ngừa sự cắt xén hay hạn chế các quyền này một cách tùy tiện từ phía các cơ quan nhà nước.

Bây là, quy định những công cụ hữu hiệu và quy định việc thiết lập cơ chế bảo vệ Hiến pháp, trong đó có các quyền con người đã được hiến định

Hiến pháp năm 2013 đã quy định những công cụ hữu hiệu cho việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đó là quy định về Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, và sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp. Khoản 2 Điều 119 khẳng định: “*Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định*”. Đây là quy định có tính nguyên tắc nhằm từng bước thể chế hóa cơ chế bảo vệ Hiến pháp; trong đó có các quyền dân sự và chính trị đã được hiến định, một cách hiệu quả và ở mức cao nhất.

3.3. Thể chế đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước nhằm bảo đảm thực hiện các quyền dân sự, chính trị

- *Đối với quyền sống*: Nhằm nâng cao hiệu quả pháp lý thực hiện quyền này, Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Chương XII đã có những quy định về một số tội phạm xâm phạm tính mạng con người. Ở Việt Nam, hình phạt tử hình vẫn còn duy trì nhằm phòng, chống các loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm. Tuy vậy, pháp luật về hình sự Việt Nam đã có những quy định chặt chẽ, nhằm tránh áp dụng hình phạt này một cách tùy tiện, chủ quan. Điều 35, Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội, đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con

dưới 36 tháng tuổi phạm tội hoặc khi xét xử. Trong trường hợp này hình phạt tử hình chuyển thành tù chung thân. Điều 258, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2013 cũng đã quy định: Bản án tử hình được thi hành nếu không có kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong trường hợp người bị kết án xin ân giảm tử hình thì bản án tử hình chỉ được thi hành sau khi Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm. Thực tế xu hướng hạn chế áp dụng án tử hình đã được quan tâm trong Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Việt Nam. Ngày 19/6/2009, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 2009, trong đó bỏ hình phạt tử hình 4 tội danh: Tội hiếp dâm (Điều 111); tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180); tội chiếm đoạt máy bay, tàu thủy (Điều 221); tội hủy hoại vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 334).

- *Đối với quyền khiếu nại, tố cáo:* Hiện nay khiếu nại, tố cáo có nhiều diễn biến phức tạp; không chỉ gia tăng về số lượng, mà còn cả về tính chất và sự đa dạng về lĩnh vực khiếu tố, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, hoạt động tư pháp, tham nhũng. Nhằm bảo đảm tốt hơn quyền này, các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, cơ sở đã có nhiều nỗ lực trong việc bố trí cán bộ có năng lực, và đổi mới công tác tiếp dân, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cải tiến phương thức nhận và trả lời đơn thư, v.v.... Gần đây, Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung trong các năm 2004, 2005 đã được tách thành 2 luật riêng: Luật Khiếu nại (2011) và Luật Tố cáo (2011). Đây được xem như một giải pháp tích cực nhằm tạo thuận lợi cho người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo phù hợp với quy định của Hiến pháp, đường lối, chủ trương, pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- *Đối với các quyền tự do cư trú, đi lại:* Quyền này đã được thể chế hóa cụ thể trong Luật Cư trú (2006 sửa đổi, bổ sung năm 2013). Trong Luật Nhà ở (2005),

Điều 4 quy định: Công dân có quyền có chỗ ở theo quy định của pháp luật. Người tạo lập nhà ở hợp pháp có quyền sở hữu đối với nhà ở đó. Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Quốc hội khóa XII đã sửa đổi, bổ sung Điều 126 của Luật Nhà ở, theo đó: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc các đối tượng sau đây được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép cư trú tại Việt Nam từ 3 tháng trở lên thì có quyền sở hữu nhà ở để bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống tại Việt Nam: 1) Người có quốc tịch Việt Nam; 2) Người gốc Việt Nam thuộc diện người về đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo pháp luật về đầu tư; 3) Người có công đóng góp cho đất nước; nhà khoa học, nhà văn hóa, người có kỹ năng đặc biệt mà cơ quan, tổ chức của Việt Nam có nhu cầu và đang làm việc tại Việt Nam; 4) Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước.

Nhiều năm qua với những đổi mới trong công tác xây dựng pháp luật, cải cách hành chính, quyền tự do đi lại và cư trú của công dân Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ tích cực.

- *Đối với quyền tự do và an ninh cá nhân; quyền không bị tra tấn, truy bức, nhục hình:* Nhằm bảo vệ các quyền nói trên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã bổ sung thêm Chương XXXV: *Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự*. Chương XXII của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã có các hình phạt đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp như: tội dùng nhục hình (Điều 298); tội bức cung (299); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật (Điều 303). Ngoài ra, năm 2003 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQUBTVQH11 *Về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng gây ra*. Năm 2009, Quốc hội thông qua Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước. Các văn bản pháp luật này là phù hợp với nghĩa vụ quốc gia được quy định trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (1966).

Trong công tác tạm giam, tạm giữ và trại giam, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Luật Thi hành án hình sự năm 2010 đã có những quy định chặt chẽ về quy chế hoạt động của những nơi tạm giam, tạm giữ, thi hành hình phạt tù. Theo định kỳ, ngành công an, kiểm sát, tòa án đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân địa phương thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của những nơi này, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế những hành vi bạo lực, nhục hình, bảo vệ an ninh, an toàn cho người bị giam giữ hoặc phạm nhân. Trong những năm gần đây, Nhà nước rất coi trọng việc khắc phục tình trạng oan sai trong hoạt động tư pháp, tiến hành bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ công lý, bảo vệ quyền tự do và an ninh cá nhân, không bị tra tấn, nhục hình của mọi công dân.

- *Đối với quyền bình đẳng nam nữ:* Trong đó ưu tiên thể chế hóa quyền của phụ nữ; nhất là trong Luật Hôn nhân và Gia đình (2014), Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2007), Bộ luật Dân sự (2005), Bộ luật Hình sự (1999), Bộ luật Tố tụng hình sự (2003), Bộ luật Lao động (2002), v.v.... Trong thực tế, phụ nữ được bảo đảm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa phù hợp với Công ước về Xóa bỏ phân biệt tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) đã được Việt Nam ký vào ngày 18-12-1982. Ở Việt Nam, phụ nữ hay nam giới được bảo đảm là con người đầy đủ trên cơ sở coi quyền con người là thống nhất, chứ không phân thành 2 nhóm tách biệt giữa nữ và nam. Quyền của phụ nữ được bảo đảm ở các phương diện: cuộc sống riêng tư, an ninh con người, xóa đói giảm nghèo, sức khỏe, vai trò trong gia đình, quyền của trẻ em gái, v.v.... Việc phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;... được thực thi theo quy định của pháp luật.

- *Đối với quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo:* Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng khóa IX về Công tác tôn giáo và Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (ngày 18-6-2004); và các biện pháp quản lý của Chính phủ đã thể chế hóa cụ thể quyền được sinh hoạt bình thường của các tôn giáo; công nhận tư cách pháp nhân cho nhiều tổ chức tôn giáo; tôn trọng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức sắc, nhà tu hành; và chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào tôn giáo, v.v....

- *Đối với các quyền bầu cử, ứng cử, và quyền tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội:* Để bảo đảm các quyền trên, Quốc hội đã thông qua Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội (1997), được sửa đổi, bổ sung năm 2001, 2010; Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (2003), được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (2015).

Hoạt động Quốc hội trong thời gian gần đây đã thể hiện rõ tinh thần dân chủ, công khai, minh bạch. Hoạt động chất vấn của Quốc hội ngày càng đi vào thực chất và trở thành diễn đàn để Nhân dân thông qua các đại biểu do họ bầu ra chất vấn luật pháp, chính sách, cách thức điều hành của Chính phủ nhằm hướng đến các giải pháp có hiệu quả, đáp ứng quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Tại các địa phương, cơ sở đã có những tiến bộ về thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Thông qua các công cụ pháp lý do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành như: Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn (1998); Quy chế dân chủ trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước (1999); Quy chế dân chủ trong hoạt động của các cơ quan (1998) và Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (2007) quyền được biết, được bàn, được kiểm tra, giám sát của Nhân dân ngày càng được khẳng định trong thực tế, củng cố vị thế chính trị của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, cơ sở.

- *Về quyền tự do ngôn luận, báo chí và quyền được thông tin:* Quyền này còn được đảm bảo bằng các luật, như Luật Báo chí (1989) được sửa đổi, bổ sung năm

1999; Luật Xuất bản (2012); Luật Ngân sách nhà nước (2002); Luật Kế toán (2003); Luật Kiểm toán nhà nước (2005); Luật Phòng, chống tham nhũng (2005) được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012. Luật Báo chí Việt Nam quy định, báo chí không chỉ là cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị và tổ chức xã hội, nghề nghiệp mà còn là diễn đàn tin cậy của Nhân dân.

- Về quyền tự do lập hội, quyền biểu tình: Quyền này đã được cụ thể hóa trong Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; và Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 1 tháng 11 năm 2010 quy định về hội có tính chất đặc thù. Hiện nay, công tác dự thảo luật về hội và luật về biểu tình đang được triển khai thực hiện.